

Chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông sản qua biên giới:

Thực trạng và một số vấn đề đặt ra

Lê Thị Thùy Vân - Dương Hoàng Lan Chi

Viện Chiến lược và Chính sách tài chính

Cùng với quá trình hội nhập quốc tế, các sản phẩm nông sản của Việt Nam ngày càng có chất lượng và được xuất khẩu đến nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ. Trong đó, Trung Quốc là một trong những thị trường xuất khẩu nông sản chủ lực của Việt Nam do đây là thị trường giàu tiềm năng và có lợi thế địa lý đối với Việt Nam. Các chính sách thúc đẩy và hỗ trợ xuất khẩu nông sản qua biên giới trong thời gian qua đã được ban hành tương đối đầy đủ và đã đạt được nhiều kết quả. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện chính sách vẫn tồn tại một số vấn đề bất cập và những thách thức cần được quan tâm để nghiên cứu, đề xuất những giải pháp phù hợp.

Từ khóa: *Xuất khẩu nông sản, ưu đãi thuế, chính sách thông quan, xúc tiến thương mại.*

Along with the process of international integration, Vietnam's agricultural products are becoming increasingly high-quality and are exported to many countries and territories. In particular, China is one of Vietnam's main agricultural export markets because it is a potential market which Vietnam has geographical advantages. Policies for promoting and supporting cross-border export of agricultural products have been issued and have achieved many results. However, in the process of implementing these policies, there are still a number of inadequacies and challenges that need to be addressed in order to propose appropriate solutions.

Keywords: *Export of agricultural products; tax incentives; customs clearance policies; trade promotion.*

1. Tình hình xuất khẩu nông sản của Việt nam trong bối cảnh mới

Cùng với quá trình hội nhập quốc tế, các sản phẩm nông sản của Việt Nam ngày càng có chất lượng và đã được xuất khẩu đến 180 quốc gia và vùng lãnh thổ; trong đó, có những thị trường lớn như Trung Quốc, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Liên minh châu Âu (EU)... Xuất khẩu nông sản của Việt Nam đứng thứ 2 Đông Nam Á và đứng thứ 13 thế giới. Năng lực cạnh tranh và vị thế của nông nghiệp Việt Nam ngày càng được nâng cao.

Trong năm 2023, hoạt động thương mại quốc tế nói chung và xuất khẩu nông sản nói riêng chịu nhiều ảnh hưởng trong bối cảnh kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm lại, ảnh hưởng từ xung đột Nga - Ukraine, giá

nguyên liệu vật tư đầu vào phục vụ sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản vẫn đang ở mức cao ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất - kinh doanh, lợi nhuận của doanh nghiệp. Lạm phát cao tại một số nước trên thế giới, trong đó có những thị trường nhập khẩu nông sản lớn của Việt Nam, làm giảm nhu cầu tiêu dùng, nhu cầu nhập khẩu; nhiều quốc gia đẩy mạnh xuất khẩu nông sản và tăng cung trên thị trường, trong khi lượng hàng tồn nhập khẩu năm 2022 của một số thị trường tiêu thụ lớn như: Hoa Kỳ, EU... còn lớn, làm cho nhiều doanh nghiệp chưa ký được đơn hàng xuất khẩu mới.

Tổng kim ngạch xuất khẩu nông, lâm thủy sản 9 tháng đầu năm 2023 đạt 38,48 tỷ USD, song do các tháng đầu năm xuất khẩu giảm sâu nên tổng kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản 9 tháng vẫn giảm 5,1% so với cùng kỳ 9 tháng năm 2022. Trong đó, giá trị xuất khẩu các mặt hàng nông sản đạt 19,54 tỷ USD, tăng 16,7%; giá trị xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi đạt 369 triệu USD, tăng 26,4%; giá trị xuất khẩu thủy sản đạt 6,64 tỷ USD, giảm 21,7%; giá trị xuất khẩu các mặt hàng lâm sản đạt 10,44 tỷ USD, giảm 20,6%.

Một số nguyên nhân ảnh hưởng đến xuất khẩu hàng hóa trong thời gian qua như: Về các thị trường xuất khẩu chính, trong 9 tháng đầu năm 2023, châu Á (chiếm 48,6% thị phần), châu Mỹ (22,7%), châu Âu (10,8%) là các khu vực tiêu thụ nông, lâm, thủy sản lớn nhất của Việt Nam. Trong đó, Trung Quốc, Hoa Kỳ và Nhật Bản là ba thị trường xuất khẩu lớn nhất với tỷ trọng thị phần lần lượt là 22,1% (tăng 13,8% so với cùng kỳ năm 2022); 20,7% (giảm 22,6%); 7,6% (giảm 7,7%). Riêng đối với xuất khẩu nông sản qua biên giới, sau thời gian gián đoạn vì dịch bệnh, Trung Quốc đã nới lỏng các biện pháp phòng dịch, đơn giản hóa phương thức giao nhận hàng hóa, gỡ bỏ các quy định kiểm soát chặt chẽ chống dịch bệnh đối với hàng hóa nhập khẩu, tạo điều kiện thuận lợi cho việc gia tăng xuất khẩu nông sản và hàng hóa Việt Nam qua biên giới phía Bắc đã giúp tăng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam với Trung Quốc qua các tỉnh biên giới phía Bắc.

2. Thực trạng chính sách thúc đẩy xuất khẩu nông sản qua biên giới

Trong những năm qua, Chính phủ đã quan tâm và thực hiện các giải pháp nhằm giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong xuất khẩu nông sản qua biên giới đường bộ, như: Quyết định số 194/QĐ-TTg ngày 09/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Đổi mới phương thức kinh doanh tiêu thụ nông sản giai đoạn 2021 - 2025 định hướng đến năm 2030, trong đó có một số dự án chủ yếu là xây dựng kênh tiêu thụ nông sản hợp nhất để tiêu thụ trong nước và xuất khẩu; xây dựng kho ngoại quan dự trữ, bảo quản nông sản và các dịch vụ hỗ trợ xuất khẩu ở khu vực cửa khẩu, tại các tỉnh Quảng Ninh, Lào Cai, Lạng Sơn...; Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 21/9/2021 về việc thúc đẩy sản xuất, lưu thông, tiêu thụ và xuất khẩu nông sản trong bối cảnh phòng, chống dịch Covid-19; Quyết định số 493/QĐ-

TTg ngày 19/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa đến năm 2030, trong đó định hướng phát triển ngành hàng đối với nhóm hàng nông, lâm, thủy sản: Tăng tỷ trọng sản phẩm chế biến sâu, có giá trị kinh tế cao; nâng cao khả năng đáp ứng các quy định, tiêu chuẩn chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, tiêu chuẩn trách nhiệm xã hội, môi trường; chủ động thích ứng và vượt qua các rào cản thương mại, các biện pháp phòng vệ thương mại ở thị trường nước ngoài...

Trên cơ sở đó, các chính sách hỗ trợ thúc đẩy xuất khẩu nông sản có thể thấy nhiều chính sách đã được ban hành ở các khía cạnh: Chính sách ưu đãi thuế, chính sách cơ sở hạ tầng, chính sách xúc tiến thương mại, chính sách thông quan và các chính sách khác (cơ sở hạ tầng...). Trong đó, các văn bản pháp luật về thuế đã quy định ưu đãi ở mức cao nhất đối với lĩnh vực nông nghiệp nhằm khuyến khích và tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất - kinh doanh nông nghiệp. Các chính sách thuế đã và đang tác động đến việc phát triển nông nghiệp, khuyến khích xuất khẩu. Cụ thể : (i) Về thuế giá trị gia tăng: Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu có mức thuế suất ưu đãi thuế giá trị gia tăng là 0%; (ii) Về thuế thu nhập doanh nghiệp: Miễn thuế đối với thu nhập của doanh nghiệp từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm; miễn thuế tối đa trong 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa 9 năm tiếp theo đối với doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; (iii) Một số lĩnh vực được hưởng ưu đãi thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu như nuôi trồng, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản...; (iv) Lĩnh vực nông nghiệp được miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp đến hết ngày 31/12/2025 đối với các đối tượng cụ thể theo quy định... Về cơ bản, các chính sách thuế, phí đều được các địa phương triển khai thực hiện theo đúng quy định, hướng dẫn.

Bên cạnh đó, các chính sách xúc tiến thương mại cũng được triển khai nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam đưa sản phẩm đến các hội chợ, triển lãm lớn, chuyên ngành tại các nước là thị trường nhập khẩu. Trong đó, các sản phẩm trong Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) được hỗ trợ chi phí tham gia các hội chợ, chi phí vận chuyển... Cùng với đó là tổ chức các đoàn doanh nghiệp nước bạn như Trung Quốc đến Việt Nam để tìm kiếm cơ hội giao thương với đối tác và nhà cung cấp, góp phần tận dụng tối đa mọi cơ hội để doanh nghiệp mở rộng thị trường. Trong bối cảnh mới, sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, Việt Nam cũng có các chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp quảng bá, giới thiệu và bán sản phẩm trên các sàn thương mại điện tử quốc tế, đặc biệt là tận dụng công nghệ 4.0 trong công tác xúc tiến thương mại.

Về chính sách thông quan, thời gian qua, thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, đặc biệt là hàng nông, thủy sản đã đơn giản hơn, được ưu tiên trong thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan, tạo thuận lợi thương mại. Triển khai vận hành thông suốt hệ thống thông quan điện tử

gắn với việc thực hiện Nền tảng cửa khẩu số, kịp thời hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp; chủ động phối hợp với các lực lượng chức năng trên địa bàn thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực thông quan, tạo thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp, thương nhân xuất khẩu nông sản qua địa bàn tỉnh, tổ chức phân luồng, phân tuyến khi có hiện tượng ùn tắc cục bộ tại cửa khẩu, giải phóng nhanh hàng hóa, giảm thiểu chi phí phát sinh cho doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, hệ thống cơ sở hạ tầng tại khu vực cửa khẩu đã đang được đầu tư, nâng cấp, sẵn sàng khi lưu lượng hàng hóa xuất, nhập khẩu gia tăng, đặc biệt là hệ thống giao thông như kết nối liên thông cao tốc Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Hạ Long - Vân Đồn - Móng Cái... Đồng thời luôn được rà soát và có sự chuẩn bị về kho bãi, nhân lực và các điều kiện cần thiết để phục vụ nhu cầu hàng hóa thông quan, không để hiện tượng ùn tắc trong hệ thống kho bãi.

3. Một số vấn đề đặt ra

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn nhiều vấn đề đặt ra trong thúc đẩy xuất khẩu nông sản của Việt Nam qua biên giới cần được quan tâm. Cụ thể:

[1] Thị trường nhập khẩu hàng nông sản Việt Nam (tiêu biểu là Trung Quốc) ngày càng có yêu cầu về kỹ thuật rất cao đối với hàng nông sản như: Yêu cầu về nhãn mác hàng hóa, bao bì đóng gói, dư lượng tối đa hóa chất trong sản phẩm nông nghiệp, tính hợp pháp của nguyên liệu sử dụng... Đây là một thách thức lớn mà hàng nông sản Việt Nam phải đối mặt, do các mặt hàng nông sản xuất khẩu còn ít, chất lượng nông sản của Việt Nam thiếu ổn định, chưa có nhiều giá trị gia tăng.

Tiêu biểu trong trường hợp xuất khẩu nông sản sang Trung Quốc, hiện chỉ có 11 loại hoa quả của Việt Nam được phép nhập khẩu vào thị trường Trung Quốc. Đối với hàng hóa hoa quả Việt Nam chưa ký kết Nghị định thư kiểm tra kiểm dịch với phía Trung Quốc nên hàng hóa của Việt Nam khi nhập khẩu vào thị trường Trung Quốc phải kiểm dịch 100% gây tốn kém nhiều thời gian và chi phí cho doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Trung Quốc chưa cho phép nhập khẩu hàng hóa là thủy hải sản đông lạnh của Việt Nam qua một số cửa khẩu (như cửa khẩu Hoàn Mô, Quảng Ninh) làm giảm việc xuất khẩu mặt hàng thủy sản của Việt Nam (chủ yếu là tôm) vào thị trường Trung Quốc.

[2] Sự thay đổi chính sách từ phía nước bạn theo hướng ngày càng chặt chẽ, gây bất lợi cho hàng hóa xuất khẩu Việt Nam: Chính sách biên mậu của phía Trung Quốc không ổn định, thường xuyên thay đổi làm ảnh hưởng cho việc lưu thông hàng hóa giữa Trung Quốc và Việt Nam. Bên cạnh đó, sự khác biệt mô hình cửa khẩu dẫn đến thời gian hoạt động, quy định về chính sách hàng hóa của hai bên có sự khác nhau, phía Việt Nam là cửa khẩu, lối mở (có hoạt động xuất - nhập khẩu, hoạt động mua bán, trao

đổi của cư dân biên giới), tuy nhiên phía Trung Quốc chỉ coi đây là chợ biên giới (nên chỉ có hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới, không có hoạt động xuất - nhập khẩu), do là chợ dẫn đến chế độ thực hiện không thống nhất theo từng địa phương, có sự thay đổi theo các thời kỳ, từng khu vực địa phương khác nhau, quy định về thời gian mở cửa khẩu, thời gian làm việc không thống nhất, hạn chế lượng hàng miễn thuế của cư dân biên giới.... Đồng thời, Trung Quốc áp dụng thực hiện việc kiểm soát hàng mua bán trao đổi của cư dân biên giới như hàng nhập khẩu chính ngạch, đặc biệt là kiểm soát về chất lượng, kiểm soát về an toàn vệ sinh thực phẩm, về số lượng, chủng loại, mẫu mã, bao bì...

[3] Việc thực hiện các biện pháp giám sát quản lý và hàng rào phi thuế quan đã tạo rào cản đối với các mặt hàng nhập khẩu từ Việt Nam: Trung Quốc áp dụng hàng rào phi thuế quan nhằm kiểm soát chặt chẽ chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, mã vùng nuôi, kiểm dịch, kiểm tra bao bì, đóng gói, nhãn mác, hồ sơ doanh nghiệp... đối với nông sản Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc, gây nhiều bất lợi cho doanh nghiệp Việt Nam.

[4] Hạ tầng cửa khẩu và dịch vụ kho vận còn nhiều bất cập: Hạ tầng cửa khẩu chưa được xây dựng đồng bộ, đầu tư đầy đủ, do vậy cơ sở vật chất, hạ tầng, kho bãi, địa điểm tập kết hàng hóa xuất, nhập khẩu tại các cửa khẩu chưa đáp ứng với nhu cầu xuất, nhập khẩu hàng hóa hiện nay (như tại cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị, cửa khẩu Ga đường sắt liên vận quốc tế Đồng Đăng, cửa khẩu quốc tế Móng Cái, cửa khẩu Hoàn Mô...). Hơn nữa, điều kiện phát triển kinh tế ở khu vực biên giới lại không thuận lợi do địa hình hiểm trở, giao thông đi lại khó khăn, thời tiết khắc nghiệt, địa bàn rộng, đường biên giới dài, có nhiều lối mở qua lại khó kiểm soát...

Thực trạng hệ thống kho, bãi, cảng, địa điểm kiểm tra hàng hóa xuất, nhập khẩu tập trung còn nhỏ lẻ, manh mún, phân tán, thiếu tập trung, chưa được đầu tư đồng bộ... Năng lực quản lý điều hành, bóc xếp hàng hóa tại cửa khẩu, điểm xuất hàng... còn hạn chế, yếu kém dẫn tới chưa đáp ứng được yêu cầu của các doanh nghiệp lớn, chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý hải quan hiện đại. Trong khi đó, hàng nông sản, trái cây xuất khẩu với kim ngạch không đồng đều giữa các cửa khẩu, ảnh hưởng đến năng lực thông quan hàng hóa nông sản, trái cây xuất khẩu, dẫn đến nguy cơ xảy ra ùn tắc vào các thời gian cao điểm trong năm, đặc biệt là thời điểm chính vụ một số loại hoa quả như: Vải thiều, thanh long, dưa hấu, xoài...

Dịch vụ logistics, vận tải, giao nhận, đại lý hải quan còn chưa đa dạng, phong phú, chưa có những giải pháp trọn gói, chưa áp dụng công nghệ hiện đại trong giao dịch nhằm tận dụng xu hướng thương mại điện tử trong thực hiện giao dịch. Chưa có những tập đoàn, doanh nghiệp lớn, có trình độ quản lý chuyên nghiệp cho hoạt động logistic, và thiếu sự kết nối giữa doanh nghiệp xuất, nhập khẩu và doanh nghiệp logistic.

[5] Năng lực của doanh nghiệp, thương nhân còn hạn chế: Năng lực, trình độ của các cá nhân, người đi làm thủ tục hải quan, của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh còn hạn chế, chưa nắm chắc về pháp luật hải quan, việc khai báo hải quan, do vậy ảnh hưởng nhiều đến về việc thực hiện khai báo, làm thủ tục hải quan và các vấn đề khác trong hoạt động logistics cũng ảnh hưởng phần nào đến thời gian thông quan, giải phóng hàng hóa.

Ngoài ra, một số doanh nghiệp, hộ kinh doanh chưa nắm rõ chính sách của Trung Quốc, chưa kết nối với các doanh nghiệp có đủ các điều kiện, đáp ứng tiêu chuẩn của Trung Quốc đã tổ chức thu mua hàng hóa tràn lan, không rõ nguồn gốc, xuất xứ, không đáp ứng về bao bì, chất lượng dẫn đến việc khi đưa hàng ra cửa khẩu để xuất thì không đáp ứng yêu cầu của Trung Quốc.

Vẫn còn có thương nhân xuất khẩu nông sản thực hiện thủ tục xuất khẩu theo hình thức truyền thống như: Việc mua bán hàng hóa được thực hiện thông qua thoả thuận miệng, không ký kết hợp đồng, không liên hệ trước đầu mối giao nhận hàng phía Trung Quốc..., dẫn đến tình trạng hàng hóa đến cửa khẩu bị ách tắc do không có đầu mối liên hệ, hàng hóa bị trả lại phải tái nhập vào Việt Nam gây thiệt hại về chi phí, thời gian cho thương nhân.

4. Giải pháp nhằm thúc đẩy xuất khẩu nông sản của Việt Nam qua biên giới

Trên cơ sở các hạn chế, thách thức ở trên, nhóm nghiên cứu khuyến nghị một số giải pháp nhằm thúc đẩy xuất khẩu nông sản của Việt Nam qua biên giới như sau:

[1] Ngành nông nghiệp với các bộ, ngành liên quan cần có sự phối hợp để tiếp tục, thường xuyên đàm phán với Hải quan Trung Quốc ký kết Nghị định thư về việc giảm tỷ lệ kiểm tra kiểm dịch, xây dựng cơ chế để kiểm tra nhanh các chứng thư kiểm dịch động thực vật và thống nhất cơ chế giám sát an toàn thực phẩm đối với các lô hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam xuất khẩu vào thị trường Trung Quốc, qua đó giảm tàn suất hậu kiểm lô hàng. Đồng thời, đàm phán mở cửa thị trường về mặt kỹ thuật với các cơ quan hữu quan phía Trung Quốc nhằm mở rộng danh mục sản phẩm nông sản, thủy sản cũng như bổ sung danh sách doanh nghiệp Việt Nam được phép xuất khẩu sang thị trường này. Trong đó, đặc biệt chú trọng ưu tiên lựa chọn các sản phẩm giá trị gia tăng cao, có khả năng trở thành điểm tăng trưởng xuất khẩu mới của Việt Nam tại thị trường Trung Quốc.

[2] Ngành nông nghiệp cũng cần có phương án, giải pháp trong việc chế biến sâu hơn các sản phẩm nông nghiệp, trồng trọt nhằm nâng cao hơn giá trị sản phẩm đầu ra. Các ngành sản xuất nông nghiệp phải có quy hoạch, kế hoạch, xác định rõ thị trường trước khi triển khai sản xuất. Đồng thời cần có lộ trình đẩy mạnh sản xuất sản phẩm nông sản xuất khẩu chính

ngạch có giá trị cao, đạt an toàn vệ sinh thực phẩm, có truy xuất nguồn gốc, chỉ dẫn địa lý...

Cơ quan có thẩm quyền thực hiện đàm phán, đề nghị phía Trung Quốc khi có thông tin về chính sách đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu cần thông báo trước ít nhất 15 ngày trước khi áp dụng để phía Việt Nam có thời gian chuẩn bị; đề nghị tăng thời gian hoạt động tại các cặp cửa khẩu.

[3] Về chính sách cơ sở hạ tầng, tiếp tục thực hiện rà soát, quy hoạch phát triển cơ sở hạ tầng, xây dựng địa điểm tập kết tại các khu vực cửa khẩu đảm bảo điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất - nhập khẩu, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp thông quan hàng hóa. Khuyến khích xây dựng hệ thống logistics kho, bãi hàng đối với hàng hóa, nông sản, hoa quả để bảo quản, chế biến.

[4] Về chính sách xúc tiến tạo thuận lợi thương mại, cần tiếp tục đẩy mạnh triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại, tìm kiếm mở rộng thị trường xuất khẩu nông sản, tránh phụ thuộc vào phía Trung Quốc; đồng thời, đẩy mạnh tiêu thụ trong nước cũng như chế biến nông sản để chủ động các phương án, kế hoạch hỗ trợ tiêu thụ nông sản khi xảy ra các sự việc bất khả kháng như dịch bệnh hoặc phía Trung Quốc tăng cường chính sách quản lý đối với hàng nông sản xuất khẩu của Việt Nam như thời gian vừa qua. Chủ động nắm bắt các nhu cầu, khó khăn, có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam quảng bá sản phẩm nông, thủy sản... cũng như việc nắm bắt thông tin về các quy định, chính sách nhập khẩu và kết nối với các doanh nghiệp nhập khẩu, hệ thống phân phối tại thị trường Trung Quốc. Cùng với đó, định hướng ưu tiên trong phát triển ngành công nghiệp phục vụ nông nghiệp nhất là trong các khâu bảo quản, sơ chế, chế biến. Đẩy mạnh phân phối nông, thủy sản trên nền tảng số, thương mại điện tử nhằm mở rộng thị trường tiêu dùng nội địa và xuất khẩu, và phát triển thương hiệu hàng Việt Nam tại thị trường trong nước và quốc tế.

[5] Tuyên truyền, hướng dẫn doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, hộ nông dân áp dụng quy trình chuẩn hóa về nuôi trồng, sản xuất các loại nông sản, thủy sản; hướng dẫn kiểm soát chất lượng sản phẩm, truy xuất nguồn gốc, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, chế biến, an toàn thực phẩm, mã vùng nuôi, mã doanh nghiệp; phương thức bảo quản, bao bì nhãn mác... để các doanh nghiệp đáp ứng đủ các điều kiện, yêu cầu của nước nhập khẩu. Ngoài ra, đẩy mạnh công tác tuyên truyền đến các tổ chức, cá nhân xuất khẩu nông sản sử dụng các đại lý làm thủ tục hải quan do Tổng cục Hải quan cấp phép để thực hiện thủ tục xuất khẩu hàng hóa tại cửa khẩu nhằm tránh các rủi ro pháp lý liên quan, đảm bảo tính chuyên nghiệp, minh bạch.

Tài liệu tham khảo

1. Hầu Khải Phong (2022), *Thực trạng của hoạt động xuất khẩu nông sản Việt Nam và Trung Quốc hiện nay*, Tạp chí Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương, số tháng 6/2022.

2. Lưu Mạnh Tường (2023), *Một số giải pháp thúc đẩy xuất khẩu nông sản bền vững trong bối cảnh hội nhập quốc tế*, Kỷ yếu Hội thảo “Xuất khẩu nông sản qua biên giới trong bối cảnh mới” do Viện Chiến lược và Chính sách tài chính phối hợp Tổng cục Hải quan tổ chức.

3. Nguyễn Trung Kiên (2016), *Nghiên cứu thực trạng và đề xuất chính sách, giải pháp thương mại nông sản Việt Nam với Trung Quốc*.

4. Tổng cục Thống kê (2023), Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý III và 9 tháng năm 2023.

5. Vũ Hồng Loan (2013), *Phối hợp quản lý biên giới trong bối cảnh tạo thuận lợi thương mại quốc tế - Thực trạng và giải pháp*, Đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp Bộ của Bộ Tài chính.

Theo Tạp chí Kinh tế tài chính Việt Nam số 5 tháng 10/2023